

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

**HỒ SƠ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG
SẢN PHẨM**

SỐ CBSP: T13/NUTRICARE/2026

**THỰC PHẨM BỔ SUNG
SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
NUTRICARE GOLD**

Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T13/NUTRICARE/2026

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH	
ĐẾN	Số: 141
	Ngày: 2/3/2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 024.6683.3368

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Đối tượng không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000. Số: HA 172/9.26.CI. Ngày cấp: 05/03/2020. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) - Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia.

Giấy chứng nhận Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) Số: GM 040/9.26.03; Ngày cấp: 05/03/2020. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) - Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Nutricare Gold

2. Thành phần:

Chất béo thực vật (Dầu cọ, Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành), Đạm sữa, Sucrose, Maltodextrin, Bột sữa gầy, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê phosphat, Natri clorid, Kali clorid, Magiê oxit, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crôm clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Canxi β -hydroxy- β -methylbutyrat (CaHMB), D-Glucosamin sulfat kali clorid, Lactium (50 mg/100 g), Lactase.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh 850 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

- **Chất liệu bao bì:** Bao bì tráng thiếc (dạng gói hoặc dạng lon) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.



III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý





GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

Chỉ tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị Unit	Trọng lượng phần 100g per 100g	Trọng lượng phần 225g per 225g
Năng lượng/Energy	kcal	440	225
Chất đạm/Protein	g	18,3	9,33
Leucine/Leucine	mg	1500	765
Isoleucine/Isoleucine	mg	821	420
Valine/Valine	mg	916	467
Chất béo/Lipid	g	14,5	7,40
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9)	mg	6200	3162
Total unsaturated fatty acids			
Carbohydrate/Carbohydrate	g	54,1	27,6
Đường tổng số/Total sugars	g	14,5	7,40
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	3,60	1,84
Soluble fiber (Polydextrose)			
HMB	mg	410	209
Tu (CaHMB)	mg	500	255
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1765	900
Vitamin D3	IU	512	261
Vitamin E	IU	16,8	8,57
Vitamin K1	µg	27,6	14,1
Vitamin C	mg	72,5	37,0
Vitamin B1	µg	1020	520
Vitamin B2	µg	750	383
Niacin	µg	12000	6120
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	4560	2295
Vitamin B6	µg	1500	765
Acid folic/Folic acid	µg	94,8	48,3
Vitamin B12	µg	6,20	3,16
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	284	145
Kali/Potassium	mg	250	128
Canxi/Calcium	mg	700	357
Phốt pho/Phosphorus	mg	426	217
Magiê/Magnesium	mg	93,0	47,4
Sắt/iron	mg	4,00	2,04
Kẽm/Zinc	mg	10,0	5,12
Mangan/Manganese	µg	1200	612
Copper	µg	290	148
I-iodine	µg	68,5	34,9
Seleni/Selenium	µg	22,4	11,4
Crôm/Chromium	µg	24,2	12,3

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Chất béo thực vật (Dầu cọ, Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu đậu nành), Đường sủ, Sucrose, Maltodextrin, Bột sữa gầy, Dầu đậu nành, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các khoáng chất (Canxi carbonat, Tricaxi phosphat, Magiê phosphat, Natri clorid, Kali clorid, Magiê oxit, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crôm clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothemat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Carboxy-beta-methylbutyrate (CaHMB), D-Glucosamin sulfat kali clorid, Lactium (50 mg/100 g), Lactase.

Hydrolyzed fat (Palm oil, Canola oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil), Milk protein, Sucrose, Maltodextrin, Skin milk powder, Soy protein, Soluble fiber (Polydextrose), Minerals (Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium phosphate, Sodium chloride, Potassium chloride, Magnesium oxide, Zinc sulfate, Sodium selenite, Iron pyrophosphate, Manganese sulfate, Chromium chloride, Potassium iodide, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Cyanocobalamin, Retinyl acetate, Calcium-D-pantothenate, Cholecalciferol, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Folic acid, Riboflavin, Phylloquinone), Synthetic flavor (vanilla flavor, milk flavor), Calcium-beta-hydroxy-beta-methylbutyrate (CaHMB), D-Glucosamine sulfate potassium chloride, Lactum (50 mg/100 g), Lactase.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 - 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50°C./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50°C).
 - 4) Cho 190 ml nước ấm vào cốc/lĩnh rồi cho 5 muỗng gạt (tương đương 51 g bột)/Pour 190 ml of water into the utensils, then add 5 scoops (approximately 51 g of powder).
 - 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ./Finish using product recommended feeding 3 hours after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Người lớn và người cao tuổi dùng 2 - 3 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng.
Adults and the elderly use 2 - 3 servings per day, or follow a physician/nutritionist's recommendations.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt và chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không đánh cho nhuyễn ngay khi với sữa. Dùng nước, không sử dụng sữa phẩm khi hết hạn.



NUTRICARE



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

NutriCare

GOLD

BỔ SUNG DINH DƯỠNG TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE

CHỨNG MINH LÂM SÀNG
TĂNG CƯỜNG
SỨC KHỎE
MỖI NGÀY

ĐAM, VITAMIN
& KHOÁNG
PHỤC HỒI
SỨC KHỎE

GIÀU
DƯỠNG CHẤT

GLUCOSAMIN,
CANXI, HMB
CƠ XƯƠNG KHỚP
CHẮC KHỎE

OMEGA 3,6,9⁽²⁾
HỖ TRỢ
SỨC KHỎE
TIM MẠCH

THỰC PHẨM BỔ SUNG
KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET WT:

850g

GIÀM ĐUƠNG⁽³⁾
ÍT NGỌT



THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG NUTRICARE GOLD

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ, đã được chứng minh lâm sàng giúp phục hồi & tăng cường sức khỏe, hỗ trợ tim mạch và giấc ngủ⁽⁴⁾.

GIÚP TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE:

Giàu dưỡng chất với Đạm thực vật & Đạm Whey⁽⁵⁾ để hấp thụ, cùng vitamin & khoáng chất đáp ứng khuyến nghị FDA Hoa Kỳ⁽⁶⁾, sản phẩm đã được chứng minh lâm sàng giúp tăng cường sức khỏe, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, tăng cường miễn dịch, cải thiện tình trạng nhiễm khuẩn⁽⁷⁾.

GIÚP NGU NGON, TIÊU HÓA KHỎE:

Sản phẩm đã được chứng minh lâm sàng giúp cải thiện tình trạng tiêu hóa và giấc ngủ⁽⁸⁾. Lactium giúp ngủ ngon, kết hợp cùng Magiê & Vitamin B6 giảm căng thẳng, mệt mỏi. Glau chất xơ hòa tan giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh.

HỖ TRỢ CƠ XƯƠNG KHỚP CHẮC KHỎE:

Canxi, Glucosamin⁽⁹⁾ và HMB giúp cơ xương khớp chắc khỏe. Glucosamin được chứng minh lâm sàng có vai trò xây dựng sụn và chất bôi trơn cho khớp.

HỖ TRỢ SỨC KHỎE TIM MẠCH:

Sản phẩm đã được chứng minh lâm sàng cải thiện chỉ số mỡ máu, sức khỏe tim mạch⁽¹⁰⁾. Omega 3, 6, 9⁽²⁾ hỗ trợ giảm Cholesterol xấu cùng hệ Antioxidants⁽¹¹⁾ tốt cho tim mạch.

(2) Tồn nhiên cam kết bổ sung sản phẩm Nutricare Gold và với nhân chứng.
(3) Viện Dinh Dưỡng và với sản phẩm Nutricare Gold và (4) (BSP: T08/NUTRICARE/2023).
(4) Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9).
(5) Hàm lượng Đạm thực vật theo tính toán: 4,1 g/100 g bột và Đạm Whey theo tính toán: 2,6 g/100 g bột.

(6) Người trưởng thành.
(7) H4 Antioxidants: Vitamin A, C, E & Selenium.
(8) Hàm lượng Glucosamin theo tính toán: 238 mg/100 g bột.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VP&D: Số 8, Khu A-T2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô V11.2 và nhà máy 2: Lô V11.1, Lô V12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô V11.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam. HS& và HSD: Xem trên bao bì.

Số (BSP: T13/NUTRICARE/2024

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BẮC: 1800.6011 (tư vấn)
MIỄN NAM: 028.7300.9888
www.nutricare.com.vn
Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây



(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không tính hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~441~~ /2026/CV-NU
V/v Thông báo cập nhật nhãn
sản phẩm sau công bố

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 05 năm 2026

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH	
ĐẾN	Số: 399
	Ngày: 14/5/2026
Chuyển:	
Số Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh	

Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh- Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong suốt quá trình thực hiện công bố sản phẩm tại địa phương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đã thực hiện thủ tục Tự công bố sản phẩm sau tại Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh- Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh:

Tên sản phẩm	Số CBSP	Ngày công bố
Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Nutricare Gold	T13/NUTRICARE/2026	28/02/2026

Căn cứ Khoản 4, điều 5, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Công ty xin phép được thông báo cập nhật mã vạch của sản phẩm nêu trên phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể:

Thông tin cũ	Thông tin cập nhật
- Mã vạch cũ: 8936142673081	- Mã vạch cập nhật: 8936142675566

(Nhãn cập nhật chi tiết đính kèm.)

Các nội dung khác trong bản tự công bố và nhãn sản phẩm (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo) không thay đổi so với hồ sơ đã công bố. Công ty cam kết đảm bảo chất lượng, an toàn và phù hợp quy định hiện hành.

Kính mong Quý Chi cục ghi nhận và lưu hồ sơ theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES				
Chỉ tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị Unit	hàng 100g per 100g powder	hàng 30g per 30g packet	hàng 15g per 15g packet
Năng lượng/Energy	kcal	440	225	
Chất đạm/Protein	g	18,3	9,33	
Leucine/Leucine	mg	1500	765	
Isoleucine/Isoleucine	mg	823	420	
Valine/Valine	mg	916	467	
Chất béo/Lipid	g	14,5	7,40	
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9) Total unsaturated fatty acids	mg	6200	3162	
Carbohydrat/Carbohydrate	g	54,1	27,6	
Đường tổng số/Total sugars	g	14,5	7,40	
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	3,60	1,84	
HMB	mg	410	209	
Từ Calcium	mg	500	255	
Vitamin/Vitamins				
Vitamin A	IU	1765	900	
Vitamin D3	IU	512	261	
Vitamin E	IU	16,8	8,57	
Vitamin K1	µg	27,6	14,1	
Vitamin C	mg	72,5	37,0	
Vitamin B1	µg	1020	520	
Vitamin B2	µg	750	383	
Niacin	µg	12000	6120	
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	4500	2295	
Vitamin B6	µg	1500	765	
Acid folic/Folic acid	µg	94,8	48,3	
Vitamin B12	µg	6,20	3,16	
Khoáng chất/Minerals				
Natri/Sodium	mg	284	145	
Kali/Potassium	mg	250	128	
Canxi/Calcium	mg	700	357	
Phốt pho/Phosphorus	mg	426	217	
Magiê/Magnesium	mg	93,0	47,4	
Sắt/Iron	mg	4,00	2,04	
Kẽm/Zinc	mg	10,0	5,12	
Mangan/Manganese	µg	1200	612	
Đồng/Copper	µg	290	148	
Vitamin B12	µg	68,5	34,9	
Selen/Selenium	µg	22,4	11,4	
Crôm/Chromium	µg	24,2	12,3	

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành), Bơ sữa, Sucrose, Maltodextrin. Bột sữa gạo, Bột đậu nành, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Tricaxin photphat, Magiê photphat, Natri clorid, Kali clorid, Magiê oxit, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crom clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbate, D-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinic acid, Cyanocobalamin, Retinyl acetate, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Acid folic, Riboflavin, Phylloguanon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Canxi D-hydroxy-beta-methylbutyrate (CaHMB), D-Glucosamin sulfat kali clorid, Lactium (50 mg/100 g), Lactase.

Vegetable fat (Palm oil, Canola oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil, Milk protein, Sucrose, Maltodextrin, Skim milk powder, Soy protein, Soluble fiber (Polydextrose), Maltodextrin, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium phosphate, Sodium chloride, Potassium chloride, Magnesium oxide, Zinc sulfate, Sodium selenite, Iron pyrophosphate, Manganese sulfate, Chromium chloride, Potassium iodide, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, D-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinic acid, Cyanocobalamin, Retinyl acetate, Calcium-D-pantothenate, Cholecalciferol, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Folic acid, Riboflavin, Phylloguanon), Synthetic flavor (vanilla flavor, milk flavor), Calcium D-hydroxy-beta-methylbutyrate (CaHMB), D-Glucosamine sulfate potassium chloride, Lactium (50 mg/100 g), Lactase.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha. /Wash your hands with soap and water.
- 2) Rửa sạch và đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 5 phút. /All utensils must be cleaned and boiled for 5 minutes.
- 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội đến khoảng 50°C. /Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 50°C).
- 4) Cho 150 ml nước, ấm vào cốc rồi rót cho 5 muỗng gạt (tương đương 51 g bột). /Pour 150 ml of water into the utensil, then add 5 scoops (equivalent to 51 g of powder).
- 5) Khuấy hoặc lắc đều cho đến khi bột tan hết. Thử độ nóng trước khi dùng. /Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding. Hồn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ. /Finish using product immediately feeding 3 hours after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Người lớn và người cao tuổi dùng 2 - 3 ly mỗi ngày hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng. /Adults and the elderly use 2 - 3 servings per day, or follow a physician/nutritionist's recommendations.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. /Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm này chỉ chứa các chất bổ sung dinh dưỡng và các chất khác vào sữa bột. Không dùng cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành, Khoai sắn dùng vào phẩm khi kết hợp.



NutriCare GOLD

BỔ SUNG DINH DƯỠNG TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE



DẠM, VITAMIN
& KHOÁNG
PHỤC HỒI
SỨC KHỎE

GIÀU
DƯỠNG CHẤT

GLUCOSAMIN,
CANXI, HMB
CƠ XƯƠNG KHỚP
CHẮC KHỎE

OMEGA 3,6,9⁽¹⁾
HỖ TRỢ
SỨC KHỎE
TIM MẠCH

THỰC PHẨM BỔ SUNG
KHỐI LƯỢNG TÍNH/NET WT: 850g

GIÀM ĐƯỜNG⁽²⁾
ÍT NGỌT



GIÚP TĂNG CƯỜNG SỨC KHỎE:

Giàu dưỡng chất với **Dạm thực vật & Dạm Whey⁽¹⁾** để hấp thụ, cùng vitamin & khoáng chất đáp ứng khuyến nghị FDA Hoa Kỳ⁽²⁾, **sản phẩm đã được chứng minh lâm sàng** giúp tăng cường sức khỏe, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, tăng cường miễn dịch, cải thiện tình trạng nhiễm khuẩn⁽³⁾.

GIÚP NGỦ NGON, TIÊU HÓA KHỎE:

Sản phẩm đã được chứng minh lâm sàng giúp cải thiện tình trạng tiêu hóa và giấc ngủ⁽⁴⁾. **Lactium** giúp ngủ ngon, kết hợp cùng **Magiê & Vitamin B6** giảm căng thẳng, mệt mỏi. **Giàu chất xơ hòa tan** giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh.

HỖ TRỢ CƠ XƯƠNG KHỚP CHẮC KHỎE:

Canxi, Glucosamin⁽⁵⁾ và HMB giúp cơ xương khớp chắc khỏe. **Glucosamin được chứng minh lâm sàng** có vai trò xây dựng sụn và chất bôi trơn cho khớp.

HỖ TRỢ SỨC KHỎE TIM MẠCH:

Sản phẩm đã được chứng minh lâm sàng cải thiện chỉ số mỡ máu, sức khỏe tim mạch⁽⁶⁾. **Omega 3, 6, 9⁽¹⁾** hỗ trợ giảm Cholesterol xấu cùng hệ **Antioxidants⁽⁷⁾** tốt cho tim mạch.

(2) Theo nghiên cứu chấp thuận của Bộ Y tế về sản phẩm Nutricare Gold so với nhóm chứng.
(3) Giàu dưỡng chất với sản phẩm Nutricare Gold có giá (ESP: 100/1000/200/200/200).
(4) Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9).
(5) Hàm lượng được thực vật theo tính toán: 4,1 g/100 g bột và Dạm Whey theo tính toán: 2,6 g/100 g bột.

(6) Người trợ giúp.
(7) H: Antioxidants, Vitamin A, C, E & Selenium.
(8) Hàm lượng Glucosamin theo tính toán: 228 mg/100 g bột.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tư vấn kỹ thuật: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô V11.2 và Nhà máy 2: Lô V11.1, Lô V12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Nhà máy 3: Lô V11.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam. HSX và HSD. Xem trên bao bì.
Số GSP: T13-AB/BCARE/2026
Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000
& Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-196/9, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

